

Name: .....

Date: ....../....../20....

Class: S5....



Từ vựng : .....

Đọc: .....

Nghe: .....

Mini Test: .....

## GLOBAL ENGLISH 5

### UNIT 7: ANCIENT ROME AND EGYPT - VOCABULARY 1

- ❖ **Lưu ý 1:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu đề có chú thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ **1 dòng** để ghi nhớ nhé.
- ❖ **Lưu ý 2:** Con không sử dụng dạng viết tắt của các trợ động từ ở thể phủ định.
- ❖ **Lưu ý 3:** Khi làm bài tập có từ mới, các con phải tra từ điển. Sau khi tra từ điển, các con chép mỗi từ mới **1 dòng** để ghi nhớ.
- ❖ **Lưu ý 4:** Các con gạch chân các từ khoá chính trong bài đọc.

#### A. VOCABULARY

| No. | Words                     | Meaning                                       | No. | Words                  | Meaning          |
|-----|---------------------------|-----------------------------------------------|-----|------------------------|------------------|
| 1   | <b>canopic jar</b> (n)    | bình đựng nội tạng                            | 15  | <b>chariot</b> (n)     | xe ngựa          |
| 2   | <b>gladiator</b> (n)      | đấu sĩ                                        | 16  | <b>soldier</b> (n)     | người lính       |
| 3   | <b>mummy</b> (n)          | xác ướp                                       | 17  | <b>merchant</b> (n)    | thương gia       |
| 4   | <b>Roman bath</b> (n)     | bồn tắm La Mã                                 | 18  | <b>engineer</b> (n)    | kỹ sư            |
| 5   | <b>hieroglyphic</b> (n)   | chữ tượng hình                                | 19  | <b>villa</b> (n)       | biệt thự         |
| 6   | <b>Roman numerals</b> (n) | số La Mã                                      | 20  | <b>invent</b> (v)      | phát minh        |
| 7   | <b>Egypt</b> (n)          | Ai Cập                                        | 21  | <b>invention</b> (n)   | sự phát minh     |
| 8   | <b>Egyptian</b> (n)       | người Ai Cập                                  | 22  | <b>inventor</b> (n)    | người phát minh  |
| 9   | <b>Africa</b> (n)         | Châu Phi                                      | 23  | <b>develop</b> (v)     | phát triển       |
| 10  | <b>tomb</b> (n)           | lăng mộ                                       | 24  | <b>development</b> (n) | sự phát triển    |
| 11  | <b>amphitheater</b> (n)   | đấu trường                                    | 25  | <b>developer</b> (n)   | người phát triển |
| 12  | <b>toga</b> (n)           | áo choàng truyền thống của người la mã cổ đại | 26  | <b>create</b> (v)      | sáng tạo         |
| 13  | <b>tunic</b> (n)          | áo dài, áo tào                                | 27  | <b>creation</b> (n)    | sự sáng tạo      |
| 14  | <b>sandal</b> (n)         | giày xăng-đan                                 | 28  | <b>creator</b> (n)     | người sáng tạo   |

#### Vocabulary from KET

| No. | Words                 | Meaning            | No. | Words                    | Meaning           |
|-----|-----------------------|--------------------|-----|--------------------------|-------------------|
| 1   | <b>theme park</b> (n) | công viên giải trí | 4   | <b>rollercoaster</b> (n) | tàu lượn siêu tốc |
| 2   | <b>ski slope</b> (n)  | dốc trượt tuyết    | 5   | <b>mall</b> (n)          | khu mua sắm       |
| 3   | <b>see the ad</b> (v) | xem quảng cáo      |     |                          |                   |

❖ **Note :** v = Verb: Động từ, n = Noun: danh từ.

❖ Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép vào vở mỗi từ **2 dòng** vào vở ghi.

## B. HOMEWORK

### I. Choose the correct answer.

0. A cheerful clown starts \_\_\_\_\_ colorful balls.

- (A) juggling      B. yawning      C. sneezing      D. repairing

1. The archaeologist (nhà khảo cổ học) carefully extracted the \_\_\_\_\_ from the ancient tomb.

- A. Africa      B. canopic jar      C. hieroglyphic      D. Roman bath

2. The \_\_\_\_\_ prepared to enter the arena (đấu trường) for the fierce (khốc liệt) battle.

- A. tomb      B. Egypt      C. gladiator      D. toga

3. Who is the most famous Egyptian \_\_\_\_\_?

- A. mummy      B. canopic jar      C. Roman numeral      D. tunic

4. The ancient Romans commonly wore \_\_\_\_\_ as everyday footwear.

- A. chariot      B. soldier      C. invent      D. sandals

5. The merchant wore a simple \_\_\_\_\_ when he conducted (tiến hành) business in the marketplace.

- A. Egyptian      B. tunic      C. invention      D. develop

### II. Fill in the blanks with the appropriate words from the box. There are two words you will not need!

|                |          |              |         |
|----------------|----------|--------------|---------|
| amphitheatre   | tomb     | hieroglyphic | Africa  |
| Roman numerals | juggling | toga         | chariot |

0. A cheerful clown starts juggling colorful balls.

1. In ancient Rome, the \_\_\_\_\_ was a symbol of status and citizenship (quyền công dân).

2. A/An \_\_\_\_\_ is a full circle shape, while a theatre is only half a circle.

3. The archaeologists discovered a hidden \_\_\_\_\_ which was filled with ancient artifacts (tác phẩm nghệ thuật).

4. The Sahara Desert is one of the notable (đáng chú ý) geographical features of \_\_\_\_\_.

5. \_\_\_\_\_ is an ancient number system that is still used in many places.

### III. Underline the suitable words.

0. The government plans to (create / creation / creator) more jobs for young people.

1. Louis Braille (invented / invention / inventor) an alphabet to help blind people.

2. Fax machines were a wonderful (invent / invention / inventor) at the time.

3. Alexander Graham Bell is widely recognized as the (invent / invention / inventor) of the telephone.

4. Scientists are working to **(develop / development / developer)** new technologies for renewable energy sources.
5. The rapid **(develop / development / developer)** of computer technology has transformed the way we live and work.
6. The **(develop / development / developer)** was responsible for creating the innovative new software application.

**IV. Make the sentences with your own ideas.**

0. juggling → A cheerful clown starts juggling colorful balls.

1. engineer → \_\_\_\_\_.

2. creation → \_\_\_\_\_.

3. gladiator → \_\_\_\_\_.

4. villa → \_\_\_\_\_.

5. create → \_\_\_\_\_.

## Part 5

### Questions 25–30

For each question, write the correct answer.  
Write **one** word for each gap.

Example: 

|   |   |
|---|---|
| 0 | a |
|---|---|

---

#### EMAIL

From: 

|  |
|--|
|  |
|--|

 Sofia

To: 

|  |
|--|
|  |
|--|

 Lucia

I've had **(0)** ..... great week! I've been on holiday in the United Arab Emirates. We went to an amazing place today. Have you **(25)** ..... heard of the Mall of the Emirates in Dubai? You don't get bored here **(26)** ..... there's so much to see and do. There are over 700 shops **(27)** ..... more than 100 places to eat. There's also a theme park in the building. It's got a 4D cinema and a rollercoaster. I've **(28)** ..... on it twice – it's really fast! But **(29)** ..... best thing in the mall is the ski slope! I'm going there tomorrow. I'll send you **(30)** ..... photos later.



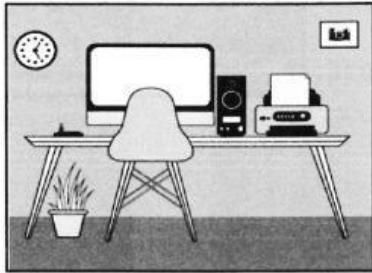
## Part 1



### Questions 1–5

For each question, choose the correct answer.

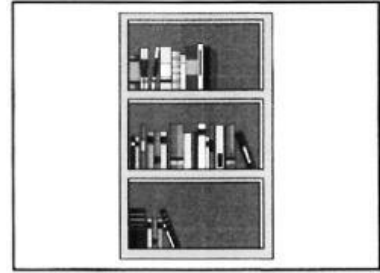
- 1 Where were the sunglasses the last time Mark saw them?



A

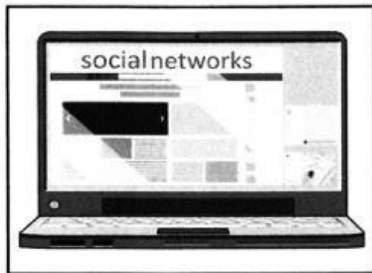


B

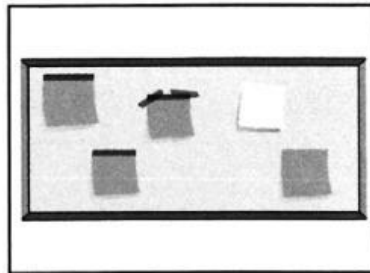


C

- 2 Where did the man see the ad for the concert?



A



B



C

- 3 Who is Simon?



A

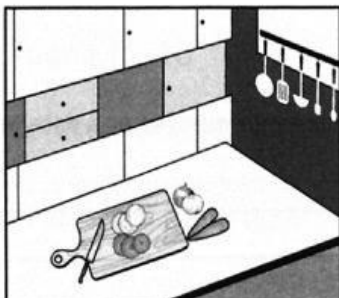


B

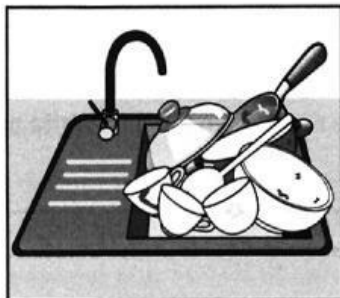


C

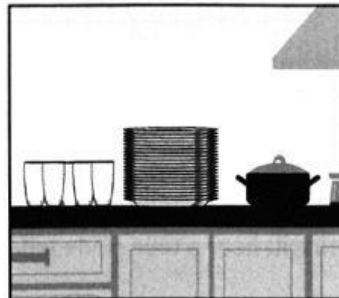
- 4 What job does the woman want help with?



A



B



C

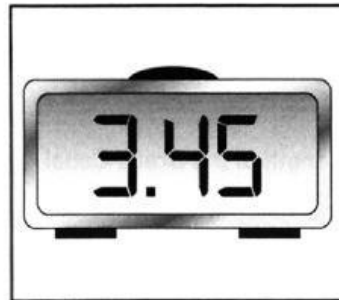
- 5 When might the next bus arrive?



A



B



C

I. Fill in the blanks with the appropriate words from the box. There are two words you will not need!

|                           |            |          |          |
|---------------------------|------------|----------|----------|
| <del>nervous system</del> | sneeze     | cerebrum | reflex   |
| nerves                    | brain stem | breathe  | movement |

0. The nervous system is responsible for all the activities of your body.

- The \_\_\_\_\_ is the largest part of your brain.
- Cats make him \_\_\_\_\_ - I think he's allergic to them.
- The \_\_\_\_\_ is the lower part of the brain that is connected to the spinal cord.
- The \_\_\_\_\_ form a network throughout the body.
- The yoga instructor told us to \_\_\_\_\_ in deeply.

II. Decide if each question or statement is correct or wrong. Correct the underlined word in each sentence if it is wrong.

0. He were doing his homework when I called him.

A. Correct

**B. Wrong (were doing → was doing)**

2. Stewart wasn't careful. He hit a tree and he was falling off his bike.

A. Correct

B. Wrong ( \_\_\_\_\_ → \_\_\_\_\_ )

4. I was washing the dishes and Tom was sweeping the floor.

A. Correct

B. Wrong ( \_\_\_\_\_ → \_\_\_\_\_ )

1. That film wasn't very good, weren't it?

A. Correct

B. Wrong ( \_\_\_\_\_ → \_\_\_\_\_ )

3. Pete and I can go to the cinema, cannot we?

A. Correct

B. Wrong ( \_\_\_\_\_ → \_\_\_\_\_ )

5. She is very tall, isn't she?

A. Correct

B. Wrong ( \_\_\_\_\_ → \_\_\_\_\_ )